



áo xiáng

翱翔

verb · soar, hover

Example Sentence

tā mèng xiǎng xiàng niǎo ér yí yàng zài lán tiān áo xiáng
他梦想像鸟儿一样在蓝天翱翔。

He dreams of soaring in the blue sky like a bird.

Trace each character, then write the word on your own.

翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱
翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱	翱			

翔	翔	翔	翔	翔	翔	翔	翔	翔	翔	翔
翔	翔	翔	翔							
